

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 06-9-2021

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, bà Hoàng Thị Thanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: thôn 1, xã N, huyện M, tỉnh Đắc Nông (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**/ Bị đơn:* Bà Đào Thị D, sinh năm 1974; Địa chỉ: thôn 1, xã N, huyện M, tỉnh Đắc Nông (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2021 và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Đ trong quá trình giải quyết vụ án thì: ông Nguyễn Hữu Đ và bà Đào Thị D lấy nhau năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Đắc Nông, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ chồng ông, bà đã có với nhau 2 người con chung là cháu Nguyễn Bắc P, sinh năm 1997, cháu Nguyễn Quyết T, sinh năm 2000. Tài sản chung, nợ chung: không có. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông làm đơn xin ly hôn với bà Đào Thị D là do vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn khoảng 5 đến 6 năm nay, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mỗi lần vợ chồng xích mích bà Đào Thị D lại bỏ nhà đi. Ông Nguyễn Hữu Đ đã nhiều lần tìm bà Đào Thị D về nhưng sau đó vợ chồng mâu thuẫn thì bà Đào Thị D lại tiếp tục bỏ đi, cứ như vậy nhiều lần, dẫn đến tình cảm vợ chồng cũng

không còn, cả hai đã sống ly thân 4 năm nay, cả hai không còn có thể hàn gắn được nên ông xin ly hôn; về con chung: các cháu đã trưởng thành; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết. Ông Nguyễn Hữu Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- *Đối với bị đơn bà Đào Thị D trong quá trình giải quyết vụ án:* Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng cho Đào Thị D hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà Đào Thị D vẫn vắng mặt không có lý do.

Kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Hữu Đ, bà Đào Thị D vì ông bà không nhờ ban hòa giải cơ sở hòa giải khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Bà Đào Thị D đi làm thuê thỉnh thoảng vẫn đi, về địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật. Bị đơn không tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Hữu Đ đối với bà Đào Thị D; Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu Đ được ly hôn với bà Đào Thị D; Về con chung: Các cháu đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Nguyễn Hữu Đ yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà Đào Thị D, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn (bà Đào Thị D) có đăng ký hộ khẩu tại thôn 1, xã N, huyện M, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: ông Nguyễn Hữu Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Đào Thị D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng

mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Hữu Đ và bà Đào Thị D kết hôn với nhau năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện M hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, do đó, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp giải quyết hòa giải, chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ, không đáng có, cả hai đã sống thiếu niềm tin và trách nhiệm đối với nhau khiến cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng, hậu quả dẫn đến cả hai đã sống ly thân nhau 4 năm nay. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Hữu Đ và bà Đào Thị D là có thật, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình trạng vợ chồng không còn duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó HĐXX nghị cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ, xử cho ông Nguyễn Hữu Đ được ly hôn với bà Đào Thị D là phù hợp.

2.2 Về con chung: Các cháu Nguyễn Bắc P, sinh năm 1997, cháu Nguyễn Quyết T, sinh năm 2000 đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

3 Về án phí DSST: ông Nguyễn Hữu Đ phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Hữu Đ đối với bà Đào Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu Đ được ly hôn với bà Đào Thị D.

2. Về con chung: Các cháu Nguyễn Bắc P, sinh năm 1997, cháu Nguyễn Quyết T, sinh năm 2000 đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu Đ phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006633 ngày 10/6/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi Cục THADS huyện M;
- UBND xã M, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh